

PHỤ LỤC I

Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 1085/QĐ-TTg

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)

PHẦN I

Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP

(Tổng số TTHC đơn giản hóa: 173 TTHC, trong đó: cấp tỉnh: 148 TTHC; cấp xã: 22 TTHC; cấp tỉnh, cấp xã: 03 TTHC)

A. NGÀNH TƯ PHÁP (29 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 23 TTHC

1. Thủ tục bổ nhiệm thừa hành viên

Mã số TTHC: 1.008922

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng bỏ “Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức về thời gian làm công tác pháp luật”, đồng thời bổ sung nội dung xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức về thời gian làm công tác pháp luật vào Mẫu Văn bản đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên.

Lý do: Hiện nay chưa quy định nội dung “Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức về thời gian làm công tác pháp luật” đối với người đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: “Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức về thời gian làm công tác pháp luật”; đồng thời sửa đổi mẫu Văn bản đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên Mẫu số TP-THV-07 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP theo hướng bổ sung mục “Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức về thời gian làm công tác pháp luật” đối với người đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 44.684.892 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 22.127.570 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 22.557.322 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,48%.

2. Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên

Mã số TTHC: 2.001130

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Thẻ luật sư đối với luật sư; Chứng chỉ kiểm toán viên đối với kiểm toán viên; bằng cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng đối với người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng.

Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước có thể tra cứu từ dữ liệu số hoá từ kết quả giải quyết của các TTHC khác.

2.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.189.655 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.659.655 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.530.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,60%.

3. Thủ tục hành chính: Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư

Mã số TTHC: 1.002099

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao Thẻ luật sư của Trưởng chi nhánh.

Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước có thể tra cứu từ dữ liệu số hoá từ kết quả giải quyết của các TTHC khác.

3.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm d khoản 3 Điều 41 Luật Luật sư năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.016.224 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.251.224 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.765.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,56%.

4. Thủ tục hành chính: Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân

Mã số TTHC: 1.002153

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao Thẻ luật sư.

Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước có thể tra cứu từ dữ liệu số hoá từ kết quả giải quyết của các TTHC khác.

4.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 50 Luật Luật sư năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.918.994 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.068.994 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.850.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,32%.

5. Thủ tục hành chính: Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

Mã số TTHC: 1.002181

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài.

Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước có thể tra cứu từ dữ liệu số hoá từ kết quả giải quyết của các TTHC khác.

5.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm a khoản 2 Điều 79 Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012).

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.249.816 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.451.816 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.798.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,57%.

6. Thủ tục hành chính: Sáp nhập công ty luật

Mã số TTHC: 1.002234

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập.

Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước có thể tra cứu từ dữ liệu số hoá từ kết quả giải quyết của các TTHC khác.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 4 Điều 4 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.196.659 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.458.659 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.738.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,17%.

7. Thủ tục hành chính: Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng

Mã số TTHC: 1.003976

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ là giấy khai sinh.

Lý do: Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy khai sinh do giấy khai sinh là kết quả của việc giải quyết TTHC trước đó, cơ quan quản lý nhà nước có thể tra cứu từ dữ liệu số hoá kết quả giải quyết của TTHC đó.

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 32 Luật nuôi con nuôi năm 2010.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.918.994 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.068.994 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.850.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,32%.

8. Thủ tục hành chính: Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi

Mã số TTHC: 1.004878

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ là giấy khai sinh.

Lý do: Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy khai sinh do giấy khai sinh là kết quả của việc giải quyết TTHC trước đó, cơ quan quản lý nhà nước có thể tra cứu từ dữ liệu số hoá kết quả giải quyết của TTHC đó.

8.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 32 Luật nuôi con nuôi năm 2010.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.918.994 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.068.994 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.850.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,32%.

9. Thủ tục hành chính: Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Mã số TTHC: 1.003160**9.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Bỏ thành phần hồ sơ là giấy khai sinh.

Lý do: Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy khai sinh do giấy khai sinh là kết quả của việc giải quyết TTHC trước đó, cơ quan quản lý nhà nước có thể tra cứu từ dữ liệu số hoá kết quả giải quyết của TTHC đó.

9.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 32 Luật nuôi con nuôi năm 2010.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.918.994 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.068.994 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.850.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,32%.

10. Thủ tục hành chính: Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài**Mã số TTHC: 2.000819****10.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Bỏ thành phần hồ sơ bản chính Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài và bản sao giấy tờ liên quan đến việc thay đổi (nếu có)

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả của thủ tục Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài và thủ tục Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

10.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2018/NĐ-CP).

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.741.497 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.868.497 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.873.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,7%.

11. Thủ tục hành chính: Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài; đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm Trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác**Mã số TTHC: 1.008890****11.1. Nội dung đơn giản hóa**

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Lý do: Tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp.

11.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.741.497 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.868.497 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.873.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,7%.

12. Thủ tục hành chính: Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Mã số TTHC: 1.008904

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ Giấy đăng ký hoạt động.

Lý do: Tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp.

12.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1 mục VIII Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.741.497 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.868.497 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.873.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,7%.

13. Thủ tục hành chính: Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán

Mã số TTHC1.002681

13.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ thành phần hồ sơ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam đối với luật sư nước ngoài do Bộ Tư pháp cấp; Chứng chỉ kiểm toán viên đối với kiểm toán viên là người nước ngoài do Bộ Tài chính cấp.

Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước tra cứu dữ liệu số hoá từ kết quả giải quyết các thủ tục hành chính khác.

13.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định 22/2015/NĐ-CP quy định về cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.189.655 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.659.655 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.530.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,6%.

14. Thủ tục hành chính: Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Mã số TTHC: 1.002010

14.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, không bỏ bản sao Thẻ luật sư của luật sư thành lập văn phòng luật sư, thành lập hoặc tham gia thành lập công ty luật.

Lý do Tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp.

14.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 35 Luật Luật sư năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.016.224 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.251.224 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.765.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,56%.

15. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

Mã số TTHC 1.002368

15.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài.

Lý do: Tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp.

15.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 79 Luật Luật sư (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.249.816 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.451.816 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.798.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,57%.

16. Thủ tục hành chính: Bổ nhiệm công chứng viên

Mã số TTHC 1.013803

16.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ điều kiện: Có phẩm chất đạo đức tốt.

Lý do: Việc xác định phẩm chất đạo đức tốt còn chung chung, khó xác định như thế nào là phẩm chất đạo đức tốt

16.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ hoặc sửa đổi khoản 4 Điều 10 Luật Công chứng năm 2024.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.275.591 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.589.591 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.686.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,7%.

17. Thủ tục hành chính: Cấp Thẻ công chứng viên

Mã số TTHC 1.013859

17.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ Giấy tờ chứng minh công chứng viên là hội viên Hội công chứng viên tại địa phương.

Lý do: Tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp

17.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm c, khoản 1, Điều 14 Thông tư 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật công chứng

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.275.591 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.589.591 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.686.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,7%.

18. Thủ tục hành chính: Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá

Mã số TTHC 1.003915

18.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học thuộc một trong các ngành luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi khi thực hiện thủ tục hành chính

18.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 10 Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung năm 2024).

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.275.591 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.589.591 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.686.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,7%.

19. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại

Mã số TTHC 1.008907

19.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ dự thảo Quy tắc hòa giải Trung tâm hòa giải thương mại trong thành phần hồ sơ cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại.

Lý do: Thành phần hồ sơ là dự thảo, không phải bản chính giấy tờ sẵn có nên không cần thiết phải nộp nhằm tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp.

19.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.189.655 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.659.655 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.530.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,6%.

20. Thủ tục hành chính: Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài

Mã số TTHC 1.008909

20.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm.

Lý do: Thành phần hồ sơ là dự thảo, không phải bản chính giấy tờ sẵn có nên không cần thiết phải nộp nhằm tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp.

20.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại; sửa đổi khoản 5 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.189.655 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.659.655 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.530.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,6%.

21. Thủ tục hành chính: Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác

Mã số TTHC 1.008910

21.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại

Lý do: Do đã có trên cơ sở dữ liệu, tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp.

21.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại; sửa đổi khoản 7 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.249.816 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.451.816 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.798.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,57%.

22. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam

Mã số TTHC 1.008911

22.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ thành phần hồ sơ: Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài.

Lý do: Tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp

22.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 36 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại; sửa đổi khoản 11 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.741.497 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.868.497 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.873.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,7%.

23. Thủ tục hành chính: Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề Luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật

Mã số TTHC 2.000970

23.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là "Bản sao Giấy đăng ký hoạt động"

Lý do: Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật là kết quả giải quyết TTHC trước đó, cán bộ Một cửa có thể trích xuất dữ liệu.

23.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 12 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.189.655 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.659.655 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.530.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,6%.

II. Cấp xã: (06 TTHC)

1. Thủ tục hành chính: Thanh toán thù lao cho hòa giải viên

Mã số TTHC: 2.002080

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Quy định thống nhất đơn vị thời gian thực hiện thủ tục hành chính là "ngày làm việc" (tại Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP khoản 2 quy định "ngày làm việc", khoản 3 quy định "ngày")

Lý do: Việc quy định thống nhất đơn vị thời gian thực hiện TTHC đảm bảo thuận tiện cho các đơn vị, cá nhân trong nghiên cứu, thực hiện TTHC

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 15 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở do đang không thống nhất quy định ngày và ngày làm việc

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.684.411 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.034.411 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.650.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,52%.

2. Thủ tục hành chính: Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

Mã số TTHC: 2.001406

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Việc chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là quyền sử dụng đất, nhà ở của người dân có thể được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền chứng thực bất kỳ không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh"

Lý do: Thực hiện phi địa giới thủ tục hành chính

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 6 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu về đất đai, nhà ở và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

3. Thủ tục hành chính: Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Mã số TTHC: 2.002363

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Sửa đổi theo hướng trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ và con nuôi thường trú hoặc có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định.

Lý do: Thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 48 Luật Hộ tịch năm 2014.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

4. Thủ tục hành chính: Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi

Mã số TTHC: 2.002349

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Sửa đổi về trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ đảm bảo cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính được lựa chọn nộp hồ sơ tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào trong địa bàn tỉnh.

Trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ và con nuôi thường trú hoặc có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định.

Lý do: Thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1 Điều 9 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; khoản 1 Điều 2, Điều 22, Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi..

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

5. Thủ tục hành chính: Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

Mã số TTHC: 2.001263

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Sửa đổi về trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ đảm bảo cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính được lựa chọn nộp hồ sơ tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào trong địa bàn tỉnh.

Trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ và con nuôi thường trú hoặc có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định.

Lý do: Thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1 Điều 9 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; khoản 1 Điều 2, Điều 22, Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

6. Thủ tục hành chính: Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước

Mã số TTHC: 2.001255

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Sửa đổi về trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ đảm bảo cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính được lựa chọn nộp hồ sơ tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào trong địa bàn tỉnh.

Trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ và con nuôi thường trú hoặc có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách

nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định.

Lý do: Thực hiện thủ tục hành chính phi địa giới

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1 Điều 9 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; khoản 1 Điều 2, Điều 22, Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

B. NGÀNH NỘI VỤ (33 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 28 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Công nhận ban vận động thành lập hội

Mã số TTHC: 1.012927

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên ban vận động thành lập hội”.

Lý do: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.198.148 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 900.576 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 297.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,84%.

2. Thủ tục hành chính: Thành lập hội

Mã số TTHC cấp tỉnh: 1.012929

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên ban vận động thành lập hội”.

Lý do: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất

trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.893.580 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.596.008 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 297.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,71%.

3. Thủ tục hành chính: Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội

Mã số TTHC: 1.012942

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên ban vận động thành lập hội”.

Lý do: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8, điểm e khoản 9 Điều 19 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.079.668 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.211.232 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.868.436 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,52%.

4. Thủ tục hành chính: Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội

Mã số TTHC: 1.012943

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên ban vận động thành lập hội”.

Lý do: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.996.048 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.090.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.906.008 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,43%.

5. Thủ tục hành chính: Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội

Mã số TTHC: 1.012945

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên ban vận động thành lập hội”.

Lý do: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.614.650 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.317.078 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 297.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,43%.

6. Thủ tục hành chính: Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác

Mã số TTHC: 1.010802

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Lý lịch cán bộ” đối với trường hợp không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống

Lý do: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.819.340 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.481.480 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.337.860 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,32%

7. Thủ tục hành chính: Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

Mã số TTHC: 1.010816

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Lý lịch cán bộ*”.

Lý do: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 56 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.128.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.459.670 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 668.930 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,91%

8. Thủ tục hành chính: Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a

Mã số TTHC: 1.004964

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Sổ bảo hiểm xã hội*”.

Lý do: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin về bảo hiểm xã hội trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

8.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC có hiệu lực từ ngày 15/09/2014 của Bộ LĐTBXH và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm - pu - chia theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTG ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.243.292 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.081.934 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 161.358 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,98 %.

9. Thủ tục hành chính: Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh

Mã số TTHC: 2.002307

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử”.

Lý do: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

9.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Khoản 1 Điều 122 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.262.796 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.676.212 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.586.584 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,9 %.

10. Thủ tục hành chính: Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an

Mã số TTHC: 1.010805

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử”.

Lý do:

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

10.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ hướng dẫn Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.893.580 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.626.008 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 267.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,13%.

11. Thủ tục hành chính: Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh

Mã số TTHC: 1.010806

11.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Lý lịch cán bộ” đối với Trường hợp bị thương quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 của Pháp lệnh

Lý do: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

11.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 37 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.168.724 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.901.152 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 267.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,34%

12. Thủ tục hành chính: Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an

Mã số TTHC: 1.010810

12.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Lý lịch cán bộ”.

Lý do: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

12.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Nghị định 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.971.728 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.540.370 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 431.358 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,52%

13. Thủ tục hành chính: Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng

Mã số TTHC: 1.010815

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Lý lịch cán bộ”.

Lý do:

- Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu dân cư, công chức, viên chức nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

13.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.853.580 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.566.008 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 287.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,51%

14. Thủ tục hành chính: Hưởng lại chế độ ưu đãi

Mã số TTHC: 1.010823

14.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp (*đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân mất tích nay trở về và trường hợp người có công hoặc thân nhân người có công xuất cảnh trái phép nay trở về*); Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp (*đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân mất tích nay trở về*).

Lý do:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

14.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 119 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.144.362 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 729.218 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 415.144 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,28 %.

15. Thủ tục hành chính: Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”

Mã số TTHC: 1.010772

15.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Lý lịch cán bộ*” đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm h khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh

Lý do: Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

15.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.853.580 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.566.008 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 287.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,51%.

16. Thủ tục hành chính: Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc

Mã số TTHC: 1.012091

16.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; “Bản sao phiếu lý lịch tư pháp của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động”; “Bản sao giấy khai sinh của người chưa đủ 13 tuổi”.

Lý do: Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy tờ nêu trên trong Cơ sở dữ liệu chuyên ngành nên việc quy định nộp các thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

16.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh - Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về lao động chưa thành niên.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.325.720 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 846.790 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 478.930 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,13%.

17. Thủ tục hành chính: Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người

lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.

Mã số TTHC: 2.002340

17.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “sổ bảo hiểm xã hội”.

Lý do: Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin về bảo hiểm xã hội trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

17.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.410.864 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.155.720 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 255.144 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,08%.

18. Thủ tục hành chính: Thủ tục tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”

Mã số TTHC: 1.014680

18.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Lý lịch cán bộ” đối với đối tượng thực hiện là Thanh niên xung phong hoặc thân nhân của Thanh niên xung phong.

Lý do: Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

18.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 11 Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg ngày 01/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.498.436 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.344.650 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 153.786 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,26%.

19. Thủ tục hành chính: Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng

Mã số TTHC: 1.014749

19.1. Nội dung đơn giản hóa

Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

19.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.435.753 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.734.733 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.701.020 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,03%.

20. Thủ tục hành chính: Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp

Mã số TTHC: 1.014751

20.1. Nội dung đơn giản hóa

Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

20.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.412.511 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.712.511 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.700.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,02%.

21. Thủ tục hành chính: Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp

Mã số TTHC: 1.014752

21.1. Nội dung đơn giản hóa

Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

21.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.471.180 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.780.180 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.691.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,93%.

22. Thủ tục hành chính: Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc Mã số TTHC: 1.012091

22.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư*”; “*Bản sao phiếu lý lịch tư pháp của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động*”; “*Bản sao giấy khai sinh của người chưa đủ 13 tuổi*”.

Lý do: Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy tờ nêu trên trong Cơ sở dữ liệu chuyên ngành nên việc quy định nộp các thành phần hồ sơ nhay vậy là không cần thiết.

22.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh - Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về lao động chưa thành niên.

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.956.175 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.354.175 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.602.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,04%.

23. Thủ tục hành chính: Hưởng lại chế độ ưu đãi

Mã số TTHC: 1.010823

23.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân mất tích nay trở về và trường hợp người có công hoặc thân nhân người có công xuất cảnh trái phép nay trở về)*; *Phiếu lý lịch tư pháp số 1 quy định tại Luật Lý lịch tư pháp (đối với trường hợp người có công hoặc thân nhân mất tích nay trở về)*”.

Lý do: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

23.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 119 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.981.558 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.881.528 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.100.030 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,02%.

24. Thủ tục hành chính: Tuyển chọn kiến trúc sư trưởng cấp bộ, cấp tỉnh, Dự án

Mã số TTHC: 1.014319

24.1. Nội dung đơn giản hóa

Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

24.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Điều 22 Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

25. Thủ tục hành chính: Tuyển chọn chuyên gia

Mã số TTHC: 1.014352

25.1. Nội dung đơn giản hóa

Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

25.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Điều 4 Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

26. Thủ tục hành chính: Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Mã số TTHC: 5.003873

26.1. Nội dung đơn giản hóa

Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo hợp lệ, đúng quy định.

26.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Điều 13 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.851.272 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.231.272 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.620.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,22%.

27. Thủ tục hành chính: Tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý

Mã số TTHC: 5.003874

27.1. Nội dung đơn giản hóa

Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo hợp lệ, đúng quy định.

27.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.526.802 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.846.802 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.680.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,82%.

II. Cấp xã: 06 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội

Mã số TTHC: 1.013702

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên ban vận động thành lập hội”.

Lý do: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.396.296 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.981.152 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 415.144 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,32%.

2. Thủ tục hành chính: Thủ tục thành lập hội

Mã số TTHC: 1.013703

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của trưởng ban vận động thành lập hội”.

Lý do: Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin giấy chứng tử trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử nên việc quy định nộp thành phần hồ sơ như vậy là không cần thiết.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ hướng dẫn Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.893.580 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.596.008 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 297.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,71%.

3. Thủ tục hành chính: Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội

Mã số TTHC: 1.013704

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: "*Phiếu lý lịch tư pháp số 1*" (bản chính) đối với trường hợp dự kiến chủ tịch hội không phải là trưởng ban vận động thành lập hội.

Lý do: Do cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8, điểm e khoản 9 Điều 19 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.933.580 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.636.008 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 297.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,39%.

4. Thủ tục hành chính: Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội

Mã số TTHC: 1.013706

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: "*Phiếu lý lịch tư pháp số 1*" (bản chính) đối với trường hợp chủ tịch hội không phải là nhân sự dự kiến đã báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Lý do: Do cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.570.864 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.155.720 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 415.144 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,43%.

5. Thủ tục hành chính: Chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội

Mã số TTHC: 1.013707

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: "*Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của nhân sự dự kiến là chủ tịch của hội mới*"

Lý do: Do cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.614.650 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.317.078 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 297.572 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,43%.

6. Thủ tục hành chính: Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công

Mã số TTHC: 1.010833

6.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: "bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: ... Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận mối quan hệ với người có công gồm: căn cước công dân".

Lý do: Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tra cứu thông tin căn cước công dân trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư nên việc quy định nộp bản sao các giấy tờ liên quan đến thông tin dân cư là không cần thiết.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 116 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.955.026 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.845.026 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.110.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,12%.

C. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ TỈNH (11 TTHC)

TTHC cấp tỉnh: 11 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín

ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

Mã số TTHC: 1.013233

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề xuất bỏ thành phần hồ sơ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy phép xây dựng đã được cấp”.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC bằng việc tái sử dụng kết quả TTHC đã được số hoá (giấy phép xây dựng dưới dạng điện tử đã được cấp).

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 63 Nghị định 217/2026/NĐ-CP, ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.040.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 780.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 260.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25 %.

2. Thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

Mã số TTHC: 1.013235

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị thay thế thành phần hồ sơ: “Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát)” bằng việc tái sử dụng kết quả TTHC cấp giấy phép xây dựng đã được số hoá.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC bằng việc tái sử dụng kết quả TTHC đã được số hoá.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 64 Nghị định 217/2026/NĐ-CP, ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.520.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.920.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45,45 %.

3. Thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

Mã số TTHC: 1.013231

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị thay thế thành phần hồ sơ: “Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ bản vẽ đã được cấp kèm theo giấy phép xây dựng” bằng việc tái sử dụng kết quả TTHC cấp giấy phép xây dựng đã được số hoá.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC bằng việc tái sử dụng kết quả TTHC đã được số hoá.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 63 Nghị định 217/2026/NĐ-CP, ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,3%.

4. Thủ tục hành chính: Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

Mã số TTHC: 1.009748

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị bỏ nội dung, thành phần hồ sơ là: Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Lý do: Nội dung này đã quy định tại mục 13 Mẫu I.1.2 Đề xuất dự án đầu tư thuộc thành phần hồ sơ đề xuất dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập (Điểm e Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

4.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Điểm e Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.698.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.098.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,6%.

5. Thủ tục hành chính: Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái

Mã số TTHC: 2.002731

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết của TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho nhà đầu tư trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.821.366 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.471.366 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,42%.

6. Thủ tục hành chính: Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái

Mã số TTHC: 2.002732

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết của TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho nhà đầu tư trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.821.366 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.471.366 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.350.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,42%.

7. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Mã số TTHC: 2.000063

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề xuất thay thế thành phần hồ sơ: “Căn cước” bằng khai thác dữ liệu.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu (trên cơ sở dữ liệu dân cư - Bộ Công an chủ quản CSDL).

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm đ Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.698.413 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.098.413 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,6%.

8. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E

Mã số TTHC: 1.000695

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề xuất thay thế thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” bằng khai thác dữ liệu.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp - Bộ Tài chính chủ quản Cơ sở dữ liệu).

8.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hoá.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.295.082 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.795.082 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.500.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,2%.

9. Thủ tục hành chính: Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương

Mã số TTHC: 1.009794

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Trong Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ đề nghị bỏ nội dung, thành phần hồ sơ là: “I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG”.

Lý do: Thành phần hồ sơ này đã có trong thủ tục hành chính Cấp giấy phép xây dựng (Mã TTHC 1.013236), thành phần hồ sơ đã được số hóa, lưu trữ trên kho dữ liệu giải quyết TTHC và tái sử dụng.

9.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị bãi bỏ Mục I, Phụ lục VII Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.676.056 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.876.056 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,2%.

10. Thủ tục hành chính: Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

Mã số TTHC: 1.013238

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề xuất thay thế thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất” bằng khai thác dữ liệu.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai - Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ quản Cơ sở dữ liệu).

10.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 55 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.698.413 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.098.413 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,6%.

11. Thủ tục hành chính: Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho

công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).

Mã số TTHC: 1.013231

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề xuất thay thế thành phần hồ sơ: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất” bằng khai thác dữ liệu.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai - Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ quản Cơ sở dữ liệu).

11.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.698.413 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.098.413 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,6%.

D. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (12 TTHC)

I. TTHC CẤP TỈNH (07 TTHC)

1. Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú

Mã số TTHC: 1.005090

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bỏ thành phần hồ sơ:

- Học bạ cấp tiểu học; Học bạ cấp trung học cơ sở; Bản sao chứng thực hoặc bản chụp/photo kèm bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Căn cứ hợp pháp để xác nhận thông tin về cư trú;

Lý do: Thông tin học bạ, bằng tốt nghiệp của học sinh có thể được khai thác, sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở dữ liệu có liên quan đã được kết nối, chia sẻ, nhằm giảm thành phần hồ sơ và hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.

- Thông tin về cư trú có thể khai thác, sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 2 Điều 10 Chương III Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28.368.144 đồng

- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.813.084 đồng
- + Chi phí tiết kiệm: 12.555.060 đồng
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 44,26%

2. Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú

Mã số TTHC: 1.014957

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bỏ thành phần hồ sơ: Học bạ cấp tiểu học hoặc hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ đối với tuyển sinh cấp trung học cơ sở; học bạ cấp trung học cơ sở hoặc hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ đối với tuyển sinh cấp trung học phổ thông.

- Biểu mẫu điện tử Phiếu đăng ký dự tuyển gồm các thông tin: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; số định danh cá nhân/số căn cước công dân; địa chỉ thường trú của học sinh; nguyện vọng đăng ký dự tuyển học sinh nội trú/học sinh bán trú buổi trưa; đối tượng ưu tiên.

Lý do: Thông tin trong học bạ và hồ sơ học tập của học sinh có thể được khai thác, sử dụng từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở dữ liệu có liên quan đã được kết nối, chia sẻ, nhằm giảm thành phần hồ sơ và hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.

- Tối ưu hóa biểu mẫu điện tử Phiếu đăng ký dự tuyển nhằm giảm thiểu tối đa thông tin người dân phải tự kê khai, tăng cường khả năng tự động điền và tái sử dụng dữ liệu sẵn có.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điểm d, Khoản 3, Điều 8, Thông tư 12/2026/TT-BGDĐT ngày 04/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú.

- Tái thiết kế biểu mẫu điện tử Phiếu đăng ký dự tuyển trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 26.893.000 đồng
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.135.800 đồng
- + Chi phí tiết kiệm: 10.757.200 đồng
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%

3. Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ

Mã số TTHC: 3.000466

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ do bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn

Lý do: Thông tin về khai sinh của người đề nghị đã được cập nhật, quản lý trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và có thể được khai thác, sử dụng để phục vụ giải

quyết thủ tục hành chính, qua đó giảm thành phần hồ sơ và hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.

3.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 15 Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT theo hướng không yêu cầu người đề nghị cung cấp Giấy khai sinh trong trường hợp thông tin khai sinh đã có thể được khai thác, xác thực từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và các cơ sở dữ liệu có liên quan được kết nối, chia sẻ.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.135.800 đồng
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.101.850 đồng
- + Chi phí tiết kiệm: 4.033.950 đồng
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%

4. Thủ tục hành chính: Tuyển sinh trung học phổ thông

Mã số TTHC: 3.000181

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định rõ ràng và cắt giảm các loại giấy tờ không cần thiết, không hợp lý trong hồ sơ giúp giảm đáng kể chi phí (phô tô, công chứng, đi lại,...) và thời gian chuẩn bị hồ sơ cho cá nhân, tổ chức. Cụ thể hóa thành phần hồ sơ theo hướng tinh gọn, rõ ràng, minh bạch giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt, chuẩn bị chính xác, tránh nộp thiếu hoặc thừa giấy tờ. Tiết kiệm tối đa thời gian và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 9 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

5. Thủ tục hành chính: Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục

Mã số TTHC: 1.001714

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng); Giấy chứng

nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng).

Lý do: Sử dụng Dữ liệu đã được lưu trữ điện tử và là căn cứ pháp lý gốc; Thúc đẩy ứng dụng Chính phủ điện tử và số hóa TTHC; Giảm gánh nặng thời gian và chi phí tuân thủ.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điểm a Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

6. Thủ tục hành chính: Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập

Mã số TTHC: 1.014333

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bãi bỏ hoàn toàn Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí.

Lý do: Sử dụng CSDL quốc gia về dân cư; Dữ liệu đã được lưu trữ điện tử và là căn cứ pháp lý gốc; Thúc đẩy ứng dụng Chính phủ điện tử và số hóa TTHC; Giảm gánh nặng thời gian và chi phí tuân thủ.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

7. Thủ tục hành chính: Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu

Mã số TTHC: 1.014334

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bãi bỏ hoàn toàn Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí.

Lý do: Sử dụng CSDL quốc gia về dân cư; Dữ liệu đã được lưu trữ điện tử và là căn cứ pháp lý gốc; Thúc đẩy ứng dụng Chính phủ điện tử và số hóa TTHC; Giảm gánh nặng thời gian và chi phí tuân thủ.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 6 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

II. TTHC CẤP XÃ (05 TTHC)

1. Thủ tục hành chính: Tuyển sinh trung học cơ sở

Mã số TTHC: 3.000182

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Quy định cụ thể thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định rõ ràng và cắt giảm các loại giấy tờ không cần thiết, không hợp lý trong hồ sơ giúp giảm đáng kể chi phí (phô tô, công chứng, đi lại,...) và thời gian chuẩn bị hồ sơ cho cá nhân, tổ chức. Cụ thể hóa thành phần hồ sơ theo hướng tinh gọn, rõ ràng, minh bạch giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt, chuẩn bị chính xác, tránh nộp thiếu hoặc thừa giấy tờ. Tiết kiệm tối đa thời gian và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

2. Thủ tục hành chính: Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp

Mã số TTHC: 1.008951

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bãi bỏ yêu cầu nộp Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng lao động của giáo viên được hưởng chính sách.

Lý do: Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Gạch đầu dòng thứ 2, Điểm a Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

3. Thủ tục hành chính: Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

Mã số TTHC: 2.001960

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Giấy tờ chứng minh diện chính sách.

Lý do: Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điểm c, d, đ, e, g Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số **53/2015/QĐ-TTg** ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

4. Thủ tục hành chính: Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã

Mã số TTHC: 2.002284

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Giấy tờ chứng minh diện chính sách.

Lý do: Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điểm c, d, đ, e, g Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số **53/2015/QĐ-TTg** ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

5. Thủ tục hành chính: Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước

Mã số TTHC: 1.014335

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bãi bỏ hoàn toàn Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí.

Lý do: Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

E. NGÀNH Y TẾ (22 TTHC)

I. TTHC CẤP TỈNH (17 TTHC)

1. Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.

Mã số TTHC: 1.013838

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của thương nhân.

Lý do: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là kết quả của TTHC trước đó (đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về Đăng ký kinh doanh), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phối hợp tra cứu các thông tin về Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 3, mục 1, phần 1 tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.617.303 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.485.303 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.132.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,83%

2. Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi

Mã số TTHC: 1.013851

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân).

Lý do: Thành phần hồ sơ này kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền (Sở Y tế) cấp, do vậy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở y tế) có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ điểm b, mục 1, phần 3 tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.910.448 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.912.448 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.998.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,40%

3. Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi

Mã số TTHC: 1.013858

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp

Lý do: Thành phần hồ sơ này kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền (Sở Y tế) cấp, do vậy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở y tế) có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ điểm b, mục 1, phần 5 tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.617.303 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.485.303 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.132.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,83%

4. Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

Mã số TTHC: 1.013862

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Lý do: Thành phần hồ sơ này kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền (Sở Y tế) cấp, do vậy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở y tế) có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ điểm d, mục 1, phần 6 tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.211.187 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.212.437 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.998.750 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,14%

5. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.

Mã số TTHC: 1.013857

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực)

Lý do: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là kết quả của TTHC trước đó (đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về Đăng ký kinh doanh), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phối hợp tra cứu các thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ điểm b, mục 2, phần 7 tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.910.448 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.778.448 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.132.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,4%

6. Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc

tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025

Mã số TTHC: 1.013844

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực).

Lý do: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là kết quả của TTHC trước đó (đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về Đăng ký kinh doanh), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phối hợp tra cứu các thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ điểm b, mục 1, phần 8 tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.961.018 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.829.018 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.132.000 đồng/1 năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,57%

7. Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu

Mã số TTHC: 1.013829

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP)

Lý do: Thành phần hồ sơ này kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền (Sở Y tế) cấp, do vậy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở y tế) có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi điểm b, mục 1, phần 12 tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.

7.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.663.629 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.531.629 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.132.000 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,07%

8. Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B

Mã số TTHC: 1.003029

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Giấy chứng nhận lưu hành tự do còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu.

Lý do: Thành phần hồ sơ này kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền (Sở Y tế) cấp, do vậy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở y tế) có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ khoản 9, Điều 26, Mục 2 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

8.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.843.049 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 17.188.049 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.655.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,38%

9. Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ

Mã số TTHC: 2.000559

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bản sao có chứng thực quyết định thành lập điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.

Lý do: Thành phần hồ sơ này do cơ quan có thẩm quyền (Sở Y tế) cấp, do vậy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở y tế) có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

9.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ khoản 2, Điều 6 Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ.

9.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.886.792 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.559.792 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.327.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,78%

10. Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ

Mã số TTHC: 1.001138

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bản sao có chứng thực quyết định thành lập trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.

Lý do: Thành phần hồ sơ này do cơ quan có thẩm quyền (Sở Y tế) cấp, do vậy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ (Sở y tế) có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

10.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ khoản 2, Điều 6 Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế quy định việc cấp giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ và việc huấn luyện sơ cấp cứu chữ thập đỏ.

10.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.587.549 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.417.549 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.170.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,42%

11. Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

Mã số TTHC: 1.012278

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài.

Lý do: Thành phần hồ sơ này kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền cấp, do vậy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ Có thể tra cứu trên CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; hoặc có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản (đối với quyết định thành lập).

11.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ điểm b, khoản 1, Điều 60 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh.

11.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.509.904 đồng/năm
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.532.404 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 3.977.500 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,67%

12. Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo

Mã số TTHC: 1.012257

12.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề của người đề nghị khám bệnh, chữa bệnh (Đối với trường hợp : Hồ sơ đề nghị cho phép cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo).

Lý do: Thành phần hồ sơ này kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền cấp, do vậy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

12.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b, khoản 2, Điều 83 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh.

12.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.381.232 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.611.232 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.770.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,05%

13. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)

Mã số TTHC: 1.014076

13.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ phần hồ sơ là: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.

Lý do: Thành phần hồ sơ này kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó (đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về Đăng ký kinh doanh), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phối hợp tra cứu các thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

13.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c, khoản 1, Điều 38 Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016.

13.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.961.986 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.848.236 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.113.750 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,18%

14. Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật

Mã số TTHC: 1.001806

14.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy phép hoạt động của cơ sở

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền cấp, do vậy, có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

14.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ điểm b, mục 1, khoản 1, Điều 1, Thông tư 18/2018/TTBLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ LĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH.

14.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.521.368 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.407.368 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.114.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,70%.

15. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu

Mã số TTHC: 1.009566

15.1. Nội dung đơn giản hóa

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Thành phần hồ sơ này kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó (đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về Đăng ký kinh doanh), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phối hợp tra cứu các thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

15.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 2, điểm a, khoản 3, Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.961.464 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.410.464 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.551.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,57%

16. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân

Mã số TTHC: 1.014010

16.1. Nội dung đơn giản hóa

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Giấy phép thành lập/Giấy phép hoạt động đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật y

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền cấp, có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

16.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b, khoản 1, Điều 40 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.070.796 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.738.296 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.332.500 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,69%

17. Thủ tục hành chính: Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân

Mã số TTHC: 1.014011

17.1. Nội dung đơn giản hóa

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất vụ cho hoạt động hỗ trợ nạn nhân đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở.

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do vậy cơ quan nhà nước có thể phối hợp tra cứu thông tin.

17.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm c, khoản 2, Điều 41 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.123.529 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.572.529 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.551.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17%

II. TTHC CẤP XÃ (02 TTHC)

1. Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng

Mã số TTHC: 1.001776

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Giấy khai sinh của trẻ em đối với trường hợp xét trợ cấp xã hội đối với trẻ em, người đơn thân nghèo đang nuôi con, người khuyết tật đang nuôi con.

Lý do: Hiện nay Công dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, vì vậy cơ quan nhà nước có thể khai thác thông tin Giấy khai sinh từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 2, điểm a, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.932.685 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 17.267.685 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.665.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,37%

2. Thủ tục hành chính: Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội

Mã số TTHC: 1.001731

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả của TTHC đã thực hiện trước đó, do cơ quan có thẩm quyền cấp, có thể tra cứu được trong hệ thống quản lý văn bản.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 3, Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.172.662 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.507.662 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.665.000 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,90%

III. TTHC DÙNG CHUNG CẤP TỈNH, CẤP XÃ (03 TTHC)

1. Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội

Mã số TTHC: 2.000286

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ:

- Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em.
- Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp là người khuyết tật;
- Biểu mẫu điện tử Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP);

Lý do: Thông tin về giấy khai sinh đã được cập nhật, quản lý trên **Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử**; Giấy xác nhận khuyết tật tra cứu Cơ sở dữ liệu người khuyết tật và có thể được khai thác, sử dụng để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, qua đó giảm thành phần hồ sơ và hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.

- Tối ưu hóa biểu mẫu điện tử Tờ khai nhằm giảm thiểu tối đa thông tin người dân phải tự kê khai, tăng cường khả năng tự động điền và tái sử dụng dữ liệu sẵn có.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.120.160 đồng
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.942.590 đồng
- + Chi phí tiết kiệm: 13.177.570 đồng
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 43,75%

2. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế .

Mã số TTHC: 1.013855**2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở)

Lý do: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở) là kết quả của TTHC trước đó (đã được cập nhật trên CSDL quốc gia về Đăng ký kinh doanh), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phối hợp tra cứu các thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b, mục 1, phần 4 tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.211.187 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.212.437 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.998.750 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,14%

3. Thủ tục hành chính: Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội

Mã số TTHC: 2.000282**3.1. Nội dung đơn giản hóa**

Nội dung: Bãi bỏ phần hồ sơ là: Bản sao quyết định hoặc danh sách thôi hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp khác của cơ quan có thẩm quyền

Lý do: Hiện nay Công dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, vì vậy cơ quan nhà nước có thể khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thay thế cho thẻ CCCD/Căn cước.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 3, Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.183.673 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.956.173 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 2.227.500 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,25%

G. NGÀNH XÂY DỰNG (03 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 03 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương

Mã số TTHC: 1.012891

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu văn bản riêng của cơ quan, tổ chức nơi người đề nghị thuê nhà ở công vụ đang công tác gửi kèm đơn; sử dụng đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã được cơ quan, tổ chức nơi đang công tác kiểm tra, xác nhận để thực hiện thủ tục.

Lý do: Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ theo Mẫu số 03 đã có nội dung xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đề nghị đang công tác. Việc đồng thời yêu cầu cơ quan, tổ chức này lập văn bản riêng gửi kèm đơn làm phát sinh thêm giấy tờ có nội dung liên quan đến cùng một thông tin, trong khi việc kiểm tra, xác nhận đã được thực hiện trên đơn, do đó có thể cắt giảm để giảm thành phần hồ sơ và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ theo hướng không yêu cầu văn bản riêng của cơ quan, tổ chức nơi người đề nghị đang công tác gửi kèm đơn; đồng thời quy định thời hạn giải quyết của cơ quan có thẩm quyền được tính từ ngày nhận được đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã được cơ quan, tổ chức nơi người đề nghị đang công tác kiểm tra, xác nhận.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.571.810 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.151.440 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.420.370 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,94%.

2. Thủ tục hành chính: Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công

Mã số TTHC: 1.012886

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu thầu dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành

chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc từ cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. **Lý do:** Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu thầu là văn bản do cơ quan có thẩm quyền ban hành và thông tin liên quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin thì việc yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại văn bản này là không cần thiết, làm phát sinh thành phần hồ sơ và chi phí tuân thủ.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ theo hướng không yêu cầu nộp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu thầu trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin theo quy định của pháp luật.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.185.390 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.378.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 806.790 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,04%.

3. Thủ tục hành chính: Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản

Mã số TTHC: 1.012900

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ là: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là kết quả của TTHC trước đó (đã được cập nhật đầy đủ, công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phối hợp tra cứu các thông tin trên của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.

3.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b, Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.811.392 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.970.336 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.841.056 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,43%.

H. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (20 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 19 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mã số TTHC: 1.003634

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp Giấy chứng nhận đăng ký tàu hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký đối với trường hợp giấy tờ này còn được cơ quan nhà nước quản lý, lưu trữ và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin đăng ký tàu từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc hồ sơ quản lý.

Lý do: Thông tin về đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đã được cơ quan có thẩm quyền quản lý và lưu giữ trong quá trình thực hiện đăng ký. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin đăng ký thì không cần yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại giấy tờ đã được cơ quan nhà nước cấp, qua đó giảm thành phần hồ sơ và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 20 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo hướng không yêu cầu nộp Giấy chứng nhận đăng ký tàu hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin đăng ký tàu theo quy định của pháp luật.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.958.370 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.151.580 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 806.790 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,27%.

2. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Mã số TTHC: 1.003586

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản do cơ sở đăng kiểm trong nước cấp trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin về Giấy chứng nhận từ cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFISHBASE) hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành có kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Lý do: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản là kết quả kiểm tra, chứng nhận của cơ sở đăng kiểm tàu cá; theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT, dữ liệu về tàu đã được đăng kiểm phải được cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu nghề cá quốc

gia (VNFISHBASE). Do đó, trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính được phân quyền khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin trên VNFISHBASE hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành có kết nối, chia sẻ dữ liệu thì không cần yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại, góp phần giảm thành phần hồ sơ, thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, đồng thời bảo đảm cơ quan giải quyết vẫn có cơ sở kiểm tra thông tin về an toàn kỹ thuật của tàu.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo hướng không yêu cầu nộp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản do cơ sở đăng kiểm trong nước cấp trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin từ Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFISHBASE) hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành có kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.034.370 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.227.540 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 806.830 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

3. Thủ tục hành chính: Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất

Mã số TTHC: 1.011325

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu tổ chức nộp bản sao chứng thực “Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với hoạt động được phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu và Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam” trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra và xác thực thông tin về tư cách pháp nhân từ cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật.

Lý do: Các thông tin về thành phần hồ sơ trên đã được đăng ký và quản lý trong các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra và xác thực được thông tin theo quy định của pháp luật thì không cần yêu cầu tổ chức cung cấp lại giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, qua đó giảm thành phần hồ sơ và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ theo hướng không yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Nghị định này trong trường hợp

cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra và xác thực được thông tin về tư cách pháp nhân của tổ chức theo quy định của pháp luật; đồng thời rà soát, sửa đổi và công bố lại thủ tục hành chính để bảo đảm thống nhất với quy định được sửa đổi.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 27.530.420 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25.647.710 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.882.710 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,84%.

4. Thủ tục hành chính: Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y

Mã số TTHC: 1.004756

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp “Văn bằng chuyên môn hoặc Giấy xác nhận đã qua tập huấn chuyên môn” trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra và xác thực được thông tin về văn bằng chuyên môn hoặc việc đã qua tập huấn chuyên môn từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc nguồn thông tin hợp pháp khác.

Lý do: Thông tin về văn bằng chuyên môn hoặc việc đã qua tập huấn chuyên môn có thể được lưu giữ tại cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra và xác thực được thông tin theo quy định của pháp luật thì không cần yêu cầu cá nhân cung cấp lại giấy tờ, góp phần giảm thành phần hồ sơ và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 21a Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y (được bổ sung theo Điều 30 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ) theo hướng không yêu cầu nộp Văn bằng chuyên môn hoặc Giấy xác nhận đã qua tập huấn chuyên môn trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra và xác thực được thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc nguồn thông tin hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.496.180 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.882.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.613.580 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,53%.

5. Thủ tục hành chính: Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật

Mã số TTHC: 2.001236

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật, trồng trọt, nông học, sinh học, hóa học trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra và xác thực được thông tin về văn bằng từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc nguồn thông tin hợp pháp khác.

Lý do: Thông tin về bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên của người trực tiếp quản lý, điều hành và người tham gia thực hiện khảo nghiệm là thông tin có thể được lưu giữ, quản lý trong cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hoặc tại cơ quan, cơ sở đào tạo có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra và xác thực được thông tin về văn bằng thì không cần yêu cầu tổ chức cung cấp bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu, qua đó giảm thành phần hồ sơ và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật (đã được sửa đổi, bổ sung theo Điều 5 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ) theo hướng không yêu cầu nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp đối với trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra và xác thực được thông tin về văn bằng theo quy định của pháp luật và không làm thay đổi yêu cầu về Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 26.185.470 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 24.840.780 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.344.690 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,14%.

6. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón **Mã số TTHC: 1.007927**

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin về văn bằng từ Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ hoặc thông qua ứng dụng VNeID theo quy định của pháp luật.

Lý do: Thông tin về văn bằng được quản lý trong Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ; theo Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT, thông tin tra cứu từ Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ hoặc hiển thị trên ứng dụng VNeID được sử dụng thay cho bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc và có giá trị xác minh văn bằng, chứng chỉ. Do đó, trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối

chiếu và xác thực được thông tin về văn bằng thì không cần yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bản sao bằng tốt nghiệp, góp phần giảm thành phần hồ sơ, thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 3 Điều 14 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về quản lý phân bón (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026) theo hướng không yêu cầu nộp bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất trong trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin về văn bằng từ Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ hoặc thông qua ứng dụng VNeID theo quy định của pháp luật.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 33.523.023 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 31.882.510 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.640.513 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,89%.

7. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón

Mã số TTHC: 1.007928

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn hoặc thay đổi về địa điểm sản xuất, nếu cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin về văn bằng từ Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ hoặc thông tin văn bằng được hiển thị trên ứng dụng VNeID theo quy định.

Lý do: Thông tin về văn bằng được quản lý trong Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ; theo Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT, thông tin tra cứu từ Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ hoặc hiển thị trên ứng dụng VNeID được sử dụng thay cho bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc và có giá trị xác minh văn bằng, chứng chỉ. Do đó, trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin về văn bằng thì không cần yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bản sao bằng tốt nghiệp, góp phần giảm thành phần hồ sơ, thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm c khoản 1 và điểm c khoản 5 Điều 16 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026) theo hướng không yêu cầu nộp bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất đối với trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác,

kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin về văn bằng từ Cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ hoặc thông tin văn bằng được hiển thị trên ứng dụng VNeID theo quy định.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.053.990 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 26.909.403 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.144.587 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,38%.

8. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Mã số TTHC: 1.004363

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ quy định "Đoàn thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá ít nhất 5 ngày"
- Cắt giảm thời gian từ 14 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ (không tính thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện).

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi và giảm thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.

8.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm b, khoản 3 Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 711.091.839 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 598.096.839 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 112.995.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,89 %.

9. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

Mã số TTHC: 1.001686

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị sửa đổi thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp “Chứng chỉ hành nghề thú y” đối với trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, kiểm tra, đối chiếu và xác thực được thông tin, dữ liệu tương ứng từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, rút ngắn thành phần hồ sơ giải quyết TTHC giảm chi phí làm hồ sơ cho cá nhân, tổ chức.

9.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm d Khoản 1 Điều 97 Luật số 97/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc Hội khóa XIII về Luật Thú y.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.298.232 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.098.232 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.200.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,02%.

10. Thủ tục hành chính: Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư

Mã số TTHC 1.007918

10.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

10.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thành phần hồ sơ tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

11. Thủ tục hành chính: Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương

Mã số TTHC 1.012921

11.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao quyết định phê duyệt (dự án, đề tài...) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

11.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thành phần hồ sơ tại Điều 9 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

12. Thủ tục hành chính: Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng

Mã số TTHC: 1.012413

12.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích sử dụng khác của dự án hoặc bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của dự án hoặc bản sao quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

12.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thành phần hồ sơ tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

13. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp

Mã số TTHC: 3.000179

13.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận chương trình, dự án đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đtv với trường hợp nhập khẩu giống).

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

13.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thành phần hồ sơ tại Điều 8 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

14. Thủ tục hành chính: Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
Mã số TTHC 3.000152

14.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dầu khí và pháp luật khác có liên quan.

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

14.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

15. Thủ tục hành chính: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức

Mã số TTHC 1.012689

15.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền.

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

15.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

16. Thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Mã số TTHC 1.012692

16.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dầu khí và pháp luật khác có liên quan.

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

16.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

17. Thủ tục hành chính: Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II

Mã số TTHC 1.000049

17.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển sang khai thác theo mã số của giấy chứng nhận đủ sức khỏe hành nghề đo cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định cấp (trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề);

- Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển sang khai thác theo mã số của Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định; Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC đối với thành phần hồ sơ: Bản gốc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp (trường hợp gia hạn chứng chỉ hành nghề);

- Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC đối với thành phần hồ sơ: Bản gốc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp (trường hợp cấp đổi chứng chỉ hành nghề).

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

17.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 27/2019/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Đo đạc và bản đồ.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.568.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 6.400.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,08%.

18. Thủ tục hành chính: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục khác đối với cá nhân

Mã số TTHC 1.012694

18.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao văn bản chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

18.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thành phần hồ sơ tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

19. Thủ tục hành chính: Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công

Mã số TTHC 1.007919

19.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc kế hoạch vốn được giao đối với hoạt động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các tài liệu khác có liên quan...

Lý do: Do đã có trên cơ sở dữ liệu, tiết kiệm thời gian chi phí cho người dân doanh nghiệp.

19.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thành phần hồ sơ tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

II. TTHC CẤP XÃ (01 TTHC)

1. Thủ tục hành chính: Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã

Mã số TTHC: 1.011471

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bỏ yêu cầu nộp bản giấy, chuyển thành khai thác dữ liệu sẵn có trên kho dữ liệu TTHC hoặc bản điện tử đối với thành phần hồ sơ: Bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản sao quyết định phê duyệt dự án lâm sinh.

Lý do: Thành phần hồ sơ đã có trên kho dữ liệu TTHC, nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thành phần hồ sơ tại Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

I. NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (04 TTHC)

1. Công bố sử dụng dầu định lượng

Mã số TTHC: 2.000212**1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Đề nghị cắt giảm số lượng thành phần hồ sơ từ 02 bản chính còn 01 bản chính (Bản Công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn)

Lý do: Chỉ cần gửi 01 bản chính cho cơ sở, còn bản lưu tại cơ quan chỉ cần bản điện tử.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa khoản 3 Điều 12 Thông tư 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 về quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.283.662 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.695.802 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 587.860 đồng/năm
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13.72%

2. Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng**Mã số TTHC: 1.000449****2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Đề nghị cắt giảm số lượng thành phần hồ sơ từ 02 bản chính còn 01 bản chính (Bản Công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn).

Lý do: Chỉ cần gửi 01 bản chính cho cơ sở, còn bản lưu tại cơ quan chỉ cần bản điện tử.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa khoản 3 Điều 12 Thông tư 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 về quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.283.662 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.695.802 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 587.860 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13.72%

3. Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.**Mã số TTHC: 2.002253****3.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Đề nghị Cắt giảm cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Lý do: Thành phần hồ sơ có thể khai thác bằng Cơ sở dữ liệu quốc gia.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Mục II Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN. Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.831.480 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.512.550 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 318.930 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2.70%.

4. Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia

Mã số TTHC: 2.001269

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị Cắt giảm phần trách nhiệm bảo hiểm xã hội của tổ chức, doanh nghiệp

Lý do: Hiện tại dữ liệu về bảo hiểm xã hội của các cá nhân, tổ chức có trên cổng thông tin của BHXHVN và liên thông dữ liệu với VNeID lên việc tra cứu thuận tiện, rõ ràng.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 28 được sửa đổi tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 50.996.290 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 49.670.570 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.325.720 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2.60%

K. NGÀNH VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (32 TTHC)

I. Cấp tỉnh (32 TTHC)

1. Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)

Mã số TTHC: 1.009374

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” và “Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin”.

Lý do: “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” và “Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin” có thông tin đã được lưu trữ, quản lý trên các cơ sở dữ liệu quốc gia. Do đó, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện khai thác, tra cứu thông tin trực tiếp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b, c khoản 1 Điều 18 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử; xuất bản thêm ấn phẩm; thực hiện hai loại hình báo chí; mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử; xuất bản phụ trương, bản tin và đặc san.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 86.679.000 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 62.164.600 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 24.514.400 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,28%.

2. Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin

Mã số TTHC: 1.009386

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin”.

Lý do: Thông tin “Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin”. Thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 19 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử; xuất bản thêm ấn phẩm; thực hiện hai loại hình báo chí; mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử; xuất bản phụ trương, bản tin và đặc san.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 739.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 621.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 117.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,9%.

3. Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài

Mã số TTHC: 1.001837

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài”.

Lý do: Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2026 Quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.101.934 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 984.362 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 117.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,67%.

4. Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.

Mã số TTHC: 1.003002

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài”.

Lý do: Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2026 Quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 866.790 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 749.218 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 117.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,56%.

5. Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài

Mã số TTHC: 1.003240

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;

Lý do: Thay thế tra cứu trong cơ sở dữ liệu của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2026 Quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 866.790 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 749.218 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 117.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,56%.

6. Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy

Mã số TTHC: 1.003275

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp tra cứu trong cơ sở dữ liệu của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2026 Quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 866.790 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 749.218 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 117.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,56%.

7. Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài

Mã số TTHC: 1.003717

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài” và “Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;

Lý do: Thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài” và “Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b, đ khoản 1 Điều 10 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2026 Quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

7.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.101.934 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 866.790 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 235.144 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,34%.

8. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

Mã số TTHC: 2.001628

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hoá thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 32 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

8.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 34.110.944 đồng/năm.

- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 32.069.792 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.041.152 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 05,98%.

9. Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu

Mã số TTHC: 1.003560

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

9.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư 28/2014/TT-BVHTTDL Quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

9.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.387.488 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.346.336 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 2.041.152 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,19%.

10. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại

Mã số TTHC: 1.001229

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của người tổ chức triển lãm (đối với triển lãm do cá nhân người Việt Nam đứng tên tổ chức); hộ chiếu (đối với triển lãm do người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đứng tên tổ chức).

Lý do: Thành phần hồ sơ “Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của người tổ chức triển lãm (đối với triển lãm do cá nhân người Việt Nam đứng tên tổ chức); hộ chiếu (đối với triển lãm do người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đứng tên tổ chức)” có thể tra cứu được tại các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

10.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/2/2020 về hoạt động triển lãm.

10.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.034.362 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 906.790 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 127.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,33%.

11. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng

Mã số TTHC: 1.002001

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

11.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 2 Điều 49 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2026 về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

11.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 34.934.526 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 34.796.954 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,39 %.

12. Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

Mã số TTHC: 2.001098

12.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

12.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2026 về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu

với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

12.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.209.670 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.072.098 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,68 %.

13. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin

Mã số TTHC: 1.000485

13.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

13.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDDT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

13.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77%.

14. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vovinam

Mã số TTHC: 1.000544

14.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

14.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

14.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77%.

15. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh

Mã số TTHC: 1.000560

15.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

15.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

15.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77%.

16. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay

Mã số TTHC: 1.000830

16.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

16.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

16.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

17. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo

Mã số TTHC: 1.000842

17.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của các thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

17.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

17.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

18. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, lặn

Mã số TTHC: 1.000883

18.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

18.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

18.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

19. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate

Mã số TTHC: 1.000904

19.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

19.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

19.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

20. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao

Mã số TTHC: 1.001056

20.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

20.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

20.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

21. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Teakwondo

Mã số TTHC: 1.001195

21.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

21.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

21.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

22. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển

Mã số TTHC: 1.001213

22.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

22.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

22.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

23. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn leo núi thể thao

Mã số TTHC: 1.001517

23.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

23.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

23.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

24. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao

Mã số TTHC: 1.001801

24.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

24.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

24.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

25. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao **Mã số TTHC: 1.002396**

25.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

25.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

25.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.122.962 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.884.814 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 1.238.148 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

26. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp

Mã số TTHC: 1.002445

26.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

26.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TĐTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

26.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

27. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận

Mã số TTHC: 1.003441

27.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

27.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TĐTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

27.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

28. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu

Mã số TTHC: 1.005162**28.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

28.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TĐTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

28.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

29. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển giải trí**Mã số TTHC: 1.005357****29.1. Nội dung đơn giản hóa:**

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

29.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TĐTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

29.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.569.218 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.431.646 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,77 %.

30. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư rồng

Mã số TTHC: 2.002188

30.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

30.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT năm 2018; Điều 19 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2026 về quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

30.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 906.790 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 769.218 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,17%.

31. Thủ tục Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)

Mã số TTHC: 2.001594

31.1. Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền đặt in”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền đặt in” sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

31.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm đ khoản 3, Điều 34 Luật Xuất bản theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền đặt in.

31.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 906.790 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 769.218 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,17%.

32. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

Mã số TTHC: 2.001594

32.1. Nội dung đơn giản hóa: Về thành phần hồ sơ.

Đề nghị đơn giản hóa thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Lý do: Thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của thủ tục hành chính sẽ được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia.

32.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b Khoản 2, Điều 31 Luật Xuất bản theo hướng bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in.

32.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 906.790 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 769.218 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 137.572 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,17%.

L. NGÀNH CÔNG AN (01 TTHC)

1. Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện

Mã số TTHC: 3.000527

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ phần hồ sơ: “Bản photo một trong các loại giấy tờ tùy thân: căn cước công dân hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu, giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người nghiện ma túy”.

Lý do: Thông tin về căn cước công dân hoặc thẻ căn cước, hộ chiếu, giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người nghiện ma túy đã được cập nhật, quản lý trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và có thể được khai thác, sử dụng để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, qua đó giảm thành phần hồ sơ và hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm d, khoản 3, Điều 89 Nghị định số 163/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống ma túy.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 52.656.494 đồng

- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 47.869.540 đồng
- + Chi phí tiết kiệm: 4.786.954 đồng
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,09%.

M. NGÀNH TÀI CHÍNH (06 TTHC)

I. TTHC CẤP TỈNH: 04 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Mã số TTHC cấp tỉnh: 1.115126

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề xuất thay thế thành phần hồ sơ "*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*" bằng khai thác dữ liệu.

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả giải quyết TTHC trước đó, được số hoá, lưu trữ trên kho dữ liệu giải quyết TTHC. Việc yêu cầu lại gây trùng lặp, lãng phí thời gian.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.938.431 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.333.431 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.605.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,07%.

2. Thủ tục hành chính: Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV

Mã số TTHC cấp tỉnh: 1.115127

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề xuất thay thế thành phần hồ sơ "*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động*" bằng khai thác dữ liệu.

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả giải quyết TTHC trước đó, được số hoá, lưu trữ trên kho dữ liệu giải quyết TTHC. Việc yêu cầu lại gây trùng lặp, lãng phí thời gian.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.938.431 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.333.431 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.605.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,07%.

3. Thủ tục hành chính: Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi

Mã số TTHC cấp tỉnh: 2.002667

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề xuất thay thế thành phần hồ sơ "*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động*" bằng khai thác dữ liệu.

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả giải quyết TTHC trước đó, được số hoá, lưu trữ trên kho dữ liệu giải quyết TTHC. Việc yêu cầu lại gây trùng lặp, lãng phí thời gian.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 89/2024/NĐ-CP ngày 16/7/2024 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.938.431 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.333.431 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.605.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,07%.

4. Thủ tục hành chính: Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp

Mã số TTHC cấp tỉnh: 2.001999

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề xuất bỏ thành phần hồ sơ: "*Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh*".

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả giải quyết TTHC trước đó, được số hoá, lưu trữ trên kho dữ liệu giải quyết TTHC. Việc yêu cầu lại gây trùng lặp, lãng phí thời gian.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.244.840 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.237.742 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.007.098 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,09%.

II. Cấp xã: 02 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

Mã số TTHC cấp xã: 2.000720

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: "Bản sao giấy chứng tử" đối với trường hợp hộ kinh doanh do thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thay đổi chủ hộ do chủ hộ chết.

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu (trên cơ sở dữ liệu hộ tịch - Bộ Tư pháp chủ quản CSDL).

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 100 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp .

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.426.806 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.726.772 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.700.034 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,02%.

2. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Mã số TTHC cấp xã: 2.000575

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: "Bản sao giấy chứng tử" đối với trường hợp hộ kinh doanh do thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thay đổi chủ hộ do chủ hộ chết

Lý do: Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu (trên cơ sở dữ liệu hộ tịch - Bộ Tư pháp chủ quản CSDL).

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 100 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp .

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.426.806 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.726.772 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.700.034 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,02%.

PHẦN II

Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 1085/QĐ-TTg
(Tổng số TTHC đơn giản hóa: 18 TTHC, trong đó: cấp tỉnh: 18 TTHC;
cấp xã: 0 TTHC)

A. Sở Tư pháp (01 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 01 TTHC

1. Thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước: Thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh

1.1. Nội dung đề xuất đơn giản hóa: Về thành phần hồ sơ.

- **Nội dung:** Đề nghị bỏ quy định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh bằng bản giấy.

- **Lý do:** Hiện nay các cơ quan, đơn vị thực hiện trao đổi công việc thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành, mặt khác việc triển khai quy định này trên thực tế không đem lại hiệu quả cao. Đề nghị bỏ đảm bảo phù hợp với định hướng đẩy mạnh số hóa, cắt giảm giấy tờ.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 2 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng bỏ quy định gửi hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh bằng bản giấy.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Tạo thuận lợi cho tổ chức/cá nhân yêu cầu giải quyết TTHC, giảm chi phí và thời gian giải quyết TTHC.

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 419.109.616 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 200.957.008 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 218.152.608 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,05%.

B. Sở Nội vụ (01 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 01 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC

- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Điều 46 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.329.768 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.609.768 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.720.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,22%.

C. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (15 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 15 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III.

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001320

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.385.814 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.053.314 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.332.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,83%.

2. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I, hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001306

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.308.652 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.242.652 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.066.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,83%.

3. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001321

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.508.446 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 19.843.446 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.665.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,84%.

4. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I, hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001308

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.250.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.918.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.332.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,84%.

5. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001322

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.732.143 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.533.143 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.199.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

6. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I, hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001310

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.714.286 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.394.286 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.320.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

7. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001314

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu

quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.384.740 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.119.740 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.265.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

8. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001324

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

8.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23.782.468 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.852.468 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

9. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001325

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

9.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 21.631.494 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.966.494 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.665.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

10. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001316

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

10.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.217.532 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.219.532 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.998.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

11. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001326

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

11.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.811.688 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.479.688 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.332.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

12. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001327

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

12.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.547.918 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.892.918 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.655.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,13%.

13. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II, hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001318

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

13.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.698.612 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.928.612 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.770.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,13%.

14. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hóa

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001328

14.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

14.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.027.149 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.167.149 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.860.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,26%.

15. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa lên Tuyên truyền viên văn hóa chính.

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001319

15.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

15.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.704.374 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.152.374 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.552.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,26%.

D. Sở Giáo dục và Đào tạo (01 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 01 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập, giáo dục, xóa mù chữ

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC.
- **Lý do:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC nhằm đảm bảo tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Điều này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí xã hội và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 13 Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.